TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ - ST
Ngày 28-12-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Tình.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ B, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn S, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ B, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn S trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 06/01/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh S không tu chí làm ăn, không quan tâm giúp đỡ vợ con, thường xuyên tụ tập uống rượu bia rồi về đánh đập, chửi mắng vợ con và đập phá tài sản của gia đình. Mặc dù người thân trong gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Từ tháng 5/2023 chị đã thuê nhà và mang theo các con ra ở chỗ khác, vợ chồng li thân nhau từ đó và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn S.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn S trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Bùi Thị H đúng như chị H đã trình bày. Anh S xác định quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên đến thời gian gần đây anh phát hiện chị H hay nhắn tin tình cảm với người khác giới, anh đã nhiều lần yêu cầu chị H chấm dứt việc nhắn tin qua lại với người đó nhưng chị H không thực hiện dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Đến tháng 5/2023 chị H tự ý thuê nhà ra chỗ khác ở riêng và không quay về chung sống với anh nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị H không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh S thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 03 con chung tên là Lê Anh T, sinh ngày 14/01/2010, Lê Nhật T1, sinh ngày 28/11/2012 và Lê Văn T2, sinh ngày 07/9/2017, hiện nay cả ba con đều đang ở với chị H. Anh chị đều thống nhất quan điểm giao cả ba con cho chị H nuôi dưỡng. Tuy nhiên, về cấp dưỡng nuôi con anh chị không thống nhất được. Quan điểm của chị H yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng kể từ khi ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi. Quan điểm của anh S không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H và anh S thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H, anh S thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 108,

110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Văn S. Về con chung: Giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con là Lê Anh T, sinh ngày 14/01/2010, Lê Nhật T1, sinh ngày 28/11/2012 và Lê Văn T2, sinh ngày 07/9/2017. Anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Về án phí: Chị H và anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Văn S là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 06/01/2009 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau và nghi ngờ nhau, dần dần vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau. Nay cả chị H và anh S cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị H và anh S thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh S là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:*

[3.1] Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung tên là Lê Anh T, sinh ngày 14/01/2010, Lê Nhật T1, sinh ngày 28/11/2012 và Lê Văn T2, sinh ngày 07/9/2017, hiện nay cả ba cháu đều đang ở với chị H; lời khai của cháu T và cháu T1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị H và anh S thỏa thuận nếu vợ chồng ly hôn sẽ giao cả ba cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận này là

hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3.2] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị H và anh S không thống nhất được với nhau về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của chị H yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ khi ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi; còn anh S có quan điểm xin không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các cháu T, T1, T2 là 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 01/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với các Điều 82, 108, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị H và anh S cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H và anh S thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm; anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 14/01/2010, cháu Lê Nhật T1, sinh ngày 28/11/2012 và cháu Lê Văn T2, sinh ngày 07/9/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 01/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn S mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; anh Lê Văn S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, chuyển số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003109 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để đối trừ vào tiền án phí ly hôn chị H, anh S phải chịu và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con anh S phải chịu. (Chị H và anh S đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm). Anh Lê Văn S còn phải nộp tiếp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND thị trấn Quế;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo